

Bản án số: 09/2022/DS-PT
Ngày 18 - 01 - 2022
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Tuyết Mai**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Hải**

Bà **Võ Bích Hải**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Vũ Dương** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Hồng Phil** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 03 năm 2021 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 300/2021/QĐPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Cẩm L**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: phường C, quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thanh X**, sinh năm 1955. (Có mặt)

Địa chỉ: phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/5/2010).

- Bị đơn: Bà **Đào Kim H** (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

1. Bà **Huỳnh Bích L1**, sinh năm 1957 (Có mặt).
2. Ông **Huỳnh Công Đ**, sinh năm 1952 (Có mặt).
3. Bà **Huỳnh Kim H1**(Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: xã T, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện TL.

Địa chỉ: thị trấn TL, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Phan Trung H2**, sinh năm 1981; Chức vụ: Phó Trưởng Phòng tài nguyên và môi trường huyện TL (Theo văn bản ủy quyền số: 3066/UQ- UBND ngày 12/11/2020) (Vắng mặt).

2. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: phường Đ, quận T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Nguyễn Thanh X) trình bày: Vào ngày 10/8/2002, con của bà là bà Lê Thị Cẩm L có nhận chuyển nhượng phần đất của bà Đào Kim H với kích thước 46m x 10m, đất tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện TL, thành phố Cần Thơ do bà Đào Kim H đứng tên quyền sử dụng đất, với giá 53 chỉ vàng 24 kara và phần thủ tục, giấy tờ quyền sử dụng đất do bà H chịu trách nhiệm làm cho bà L. Đến ngày 24/4/2009, bà L được Ủy ban nhân dân huyện TL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy H01078 do bà L đứng tên sử dụng. Ngày 26/4/2009, hai bên tiến hành cắm cọc ranh đất kiên cố để sử dụng thì con của bà H là ông Huỳnh Công Đ đứng ra tranh cãi không cho cắm cọc. Nay bà H đã chết nên bà yêu cầu những người thừa kế tổ tụng của bà H gồm: ông Huỳnh Công Đ, bà Huỳnh Kim H1, bà Huỳnh Bích L1 có trách nhiệm trả lại cho bà phần đất có diện tích 391m² (yêu cầu đủ diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), kích thước, hình thể và vị trí đất bà yêu cầu như bản vẽ trích đo thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L. Đối với việc bà L1 đồng ý trả đủ diện tích 391m² nhưng kích thước và vị trí đất được tính từ tường nhà của bà H kéo thẳng về hướng Ủy ban nhân dân xã TT để đủ diện tích 391m² thì bà đồng ý. Còn việc ông Đ cho rằng phần đất hiện ông Đ đang sử dụng là của ông Đ và yêu cầu bà L trả lại diện tích ranh tranh chấp như bản vẽ Hồ sơ trích đo địa chính ngày 09/3/2017 là không có căn cứ vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện vẫn còn do bà H đứng tên. Ngoài ra, phần đất của ông Đ cho rằng thiếu và tranh chấp ranh theo

bà nguyên nhân thiếu đất là do trước đây khi còn sống bà H có hiến tặng một phần đất của bà cho Ủy ban nhân dân xã Thới Tân để làm hàng rào (việc cho đất không lập giấy tờ gì). Bà không đồng ý với yêu cầu đòi đất của ông Đ.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn trình bày:

- Ông Huỳnh Công Đ trình bày: Ông là con ruột của bà Đào Kim H, hàng thừa kế thứ nhất của bà H hiện chỉ còn 03 người gồm: Ông là Huỳnh Công Đ, bà Huỳnh Kim H1 và bà Huỳnh Bích L1. Vào ngày 10/10/2000, ông được bà Đào Kim H tặng cho phần đất có chiều ngang 18,3m, chiều dài hết thửa đất và ông cất nhà sinh sống cho đến nay nhưng chưa làm thủ tục tách quyền sử dụng đất. Khi cho đất bà H có lập giấy tay ngày 10/10/2000. Nay ông không đồng ý trả đất theo yêu cầu của nguyên đơn, ông yêu cầu bà L trả lại ranh đất tranh chấp có diện tích: 55,1m² (như bản vẽ trích đo địa chính ngày 09/3/2017). Ông xác định chỉ trình bày và yêu cầu như trên mà không làm đơn yêu cầu phản tố cũng như yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Bà Huỳnh Bích L1 có lời khai: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Đ về hàng thừa kế thứ nhất của bà H. Nay bà đồng ý trả cho nguyên đơn phần đất có diện tích 391m² (đủ diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) nhưng kích thước và vị trí đất được tính từ tường nhà của bà H kéo thẳng về hướng Ủy ban nhân dân xã TT để đủ diện tích 391m². Bà không đồng ý với yêu cầu của ông Huỳnh Công Đ, việc ông Đ khai rằng bà H có lập giấy tay tặng cho đất cho ông Đ là hoàn toàn không có việc này, bà không đồng ý với yêu cầu của ông Đ. Bà xác định không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án. Ngoài ra, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 385 bà H đã cầm cho ông Nguyễn Văn T để vay số tiền 40 triệu đồng (cách nay hơn 10 năm), lãi suất đóng 2.000.000 đồng/tháng, hiện chưa chuộc lại giấy chứng nhận; còn giấy đất thửa đất 920 hiện bà cũng đã cầm cho ông Nguyễn Văn T để vay tiền.

- Bà Huỳnh Kim H1 có lời khai: Đối với thửa đất 919 mà trước đây mẹ tôi là bà Đào Kim H chuyển nhượng cho nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm L thì tôi không có ý kiến. Đối với phần đất tranh chấp thửa 919 nay nguyên đơn khởi kiện đòi trả đủ diện tích, kích thước theo quyền sử dụng đất cho nguyên đơn thì tôi không có ý kiến và cũng không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Do thường bị bệnh nên yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, kể cả xét xử.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên Tòa án nhân dân huyện TL đưa vụ án ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 02/2021/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TL đã tuyên như sau:

Công nhận sự thỏa thuận của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh Xuân với ông Huỳnh Công Đ là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn (bà Đào Kim Huê) là bà Lê Thị Cẩm L được quyền sử dụng diện tích 353,6m², đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 919, tờ bản đồ số 09 đất tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện TL, thành phố Cần Thơ thuộc vị trí 4, 6 và một phần vị trí số 4 theo mảnh trích đo địa chính số 131/2017 ngày 09/3/2017 và trích lục bản đồ địa chính ngày 21/01/2021 tại vị trí 4, 5 và 6 (tổng diện tích 353,6m² thuộc thửa 919) của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện TL (đính kèm bản án).

Buộc các đồng thừa kế của bà Đào Kim H gồm ông Huỳnh Công Đ, bà Huỳnh Kim H1 và bà Huỳnh Bích L1 có trách nhiệm tháo dỡ, di dời phần công trình vật kiến trúc tọa lạc trên thửa 919 là một phần căn nhà có kích thước ngang 4,6m dài 13,2m diện tích 60,7m² kết cấu nền lót gạch men, vách xây gạch, cột bê tông cốt thép, đòn tay sắt, mái lợp tôn để trả lại diện tích quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Cẩm L.

Kiến nghị cơ quan chuyên môn có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo sơ đồ vị trí thửa đất trên cơ sở yêu cầu của đương sự khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Lê Thị Cẩm L không phải thanh toán cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đào Kim H 18 (mười tám) chỉ vàng 24 kara.

Dành cho bà Huỳnh Bích L1, bà Huỳnh Kim H1 và ông Huỳnh Công Đ một vụ kiện dân sự khác liên quan đến tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tại thửa đất 385 và thửa đất 920 do bà Đào Kim H đứng tên quyền sử dụng đất (nếu có). Dành cho ông Nguyễn Văn T một vụ kiện dân sự liên quan đến tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất (nếu có).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 03 tháng 02 năm 2021 bị đơn bà Huỳnh Bích L1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là bà Huỳnh Bích L1 có kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giao đủ diện tích đất cho phía nguyên đơn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà nguyên đơn được cấp tính từ ranh nhà bà đang sử dụng, đối chiếu với bản trích đo địa chính thì giao

phần diện tích ký hiệu B cho nguyên đơn. Đồng thời, nguyên đơn phải giao đủ số vàng còn lại là 18 chỉ vàng 24k.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý với ý kiến của bà L1 về việc giao đủ diện tích đất tại vị trí B theo Bản trích đo địa chính nhưng nguyên đơn không đồng ý trả số vàng như yêu cầu của bà L1 vì nguyên đơn nhận chuyển nhượng diện tích 460m² nhưng bị đơn chỉ làm giấy cho nguyên đơn với diện tích 391m² do đó diện tích bị đơn giao không đủ như thỏa thuận nên nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu này. Và lại, nguyên đơn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng phải đi khởi kiện nhiều lần để được sử dụng đất, cụ thể vào năm 2010. Nguyên đơn khởi kiện bà H vì nguyên đơn đã có giấy chứng nhận nhưng con của bà H là Kim Hoàng chiếm sử dụng và bản án đã buộc bà H1 di dời, trả lại đất cho nguyên đơn. Sau đó, diện tích đất giao không đủ vì phía ông Đ không đồng ý giao phần đất cho đủ diện tích nên nguyên đơn mới đi kiện thêm một lần nữa. Đất này mua từ năm 2002 đến nay là 20 năm mới giải quyết cho nguyên đơn đáng lẽ yêu cầu bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn mà bà L1 lại yêu cầu trả lại số vàng còn lại. Trong khi đó, thỏa thuận bán cho nguyên đơn là đất thổ cư diện tích 460m² nhưng khi bà H ký chuyển nhượng cho nguyên đơn chỉ còn diện tích 391m² mà là đất vườn. Do đó, bà L không đồng ý yêu cầu này của bà L1.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là ông Huỳnh Công Đ thống nhất việc giao cho nguyên đơn diện tích đất có ký hiệu B theo Bản trích đo địa chính. Đối với yêu cầu của bà L1 về việc yêu cầu nguyên đơn phải giao số vàng 18 chỉ vàng 24k thì ông không có yêu cầu.

** Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:*

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung Qua xem xét lời trình bày, chứng cứ có trong vụ án thấy rằng tại phiên tòa phúc thẩm ngày 07 tháng 5 năm 2021, bà L1 yêu cầu bà L tiếp tục trả 18 chỉ vàng 24k còn lại, đồng ý giao đất cho bà L từ vách nhà bà H qua hướng phần đất ông Đ đang sử dụng, ông Đ cũng thống nhất giao diện tích cho bà L từ mí nhà bà H kéo qua phần đất của ông cho đủ diện tích theo giấy chứng nhận của bà L nên các đương sự có đơn yêu cầu thẩm định, đo đạc lại diện tích

đất tranh chấp.

Theo kết quả đo đạc tại Bản trích đo địa chính số 56/TTKTNMT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ, thể hiện hiện trạng thực tế bà L đang sử dụng tại thửa 319 diện tích 370.9m², thiếu 20.1m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp (diện tích được cấp 391m²). Do bà L1 và ông Đ đều đồng ý giao đủ diện tích cho bà L theo giấy chứng nhận nên căn cứ kết quả đo vẽ, phần diện tích đất vị trí B có diện tích 25.2m² ngang 1.61, dài 31.46m tiếp giáp thửa đất bà L hiện ông Đ đang sử dụng giao cho bà L để đủ diện tích mà không phải tháo dỡ phần căn nhà. Như vậy, diện tích giao cho bà L có tổng diện tích 396,1m² (dư so với giấy chứng nhận được cấp diện tích 5.1m²) vị trí tính từ mé nhà bà Hchiều dài 41.47m, ngang tiếp giáp đường xi măng và Kinh Thị Đội 9.50m, chiều ngang cạnh trong tiếp giáp thửa ông Đ và thửa bà L1 đang sử dụng 9.50m, chiều dài tiếp giáp thửa ông Đ sử dụng 31.36m. Đối với diện tích theo vị trí giao cho bà L dư so với tổng diện tích được cấp giấy, tuy nhiên diện tích dư nhỏ trong tổng thể vị trí đất giao nên khó điều chỉnh để đảm bảo vừa đúng với diện tích bà L được cấp giấy. Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất, bà L sẽ điều chỉnh lại giấy đất theo vị trí, kích thước và hình thể, diện tích thửa đất theo Bản trích đo địa chính số 56/TTKTNMT ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ nên sửa án sơ thẩm về kích thước vị trí bà L được nhận.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà L1 yêu cầu bà L phải tiếp tục thanh toán 18 chỉ vàng 24k còn lại. Xét thấy, theo Tờ chuyển nhượng đất thổ cư lập ngày 10/8/2002 (lập giấy tay), bà Đào Kim H là mẹ của bà L1, ông Đ thỏa thuận chuyển nhượng diện tích đất cho bà Lê Thị Cẩm L diện tích ngang 10m dài 46m (tương đương 460m²) giá 5 cây 3 (năm cây ba) (vàng 24k). Tuy nhiên, quá trình giao dịch kéo dài đến ngày 02/02/2009, bà H ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa số 385 diện tích 391m² cho bà L có chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã TL, bà L đã được công nhận quyền sử dụng đất. Do đó, xét về diện tích thực giao dịch ít hơn diện tích thỏa thuận giữa bà H và bà L, nhưng tương ứng với phần giá trị các bên giao dịch (460m²/53 chỉ vàng, tương đương 8,68 chỉ/m², diện tích 391m² x 8,68m² bằng 33,93 chỉ,) bà L đã trả 35 chỉ vàng là tương ứng với diện tích được nhận, bà L cũng yêu cầu nhận đủ diện tích đất đã được cấp giấy. Mặt khác, quá trình tố tụng, bị đơn không có yêu cầu phản tố vấn đề trả lại số vàng theo hợp đồng nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L1.

Từ những phân tích, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa Bản án dân sự số 02/2021/DS-ST ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện TL.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; của luật sư và những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về quan hệ pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn. Do đó, cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết vụ án với quan hệ pháp luật “Tranh quyền sử dụng đất” là phù hợp.

[2] Bị đơn bà Huỳnh Bích L1 kháng cáo hai vấn đề, thứ nhất, bà đồng ý giao đủ diện tích đất cho nguyên đơn theo giấy chứng nhận là 391m², diện tích đất này được giao tính từ giáp ranh đất của bị đơn mà bà L1 đang quản lý qua phía đất ông Đ hiện đang quản lý và yêu cầu thứ hai là yêu cầu nguyên đơn phải giao đủ số vàng còn lại là 18 chỉ vàng 24k vì thỏa thuận chuyển nhượng giữa bà H với nguyên đơn với giá chuyển nhượng là 53 chỉ vàng 24K.

[3] Xét thấy, vào ngày 24/4/2009 Ủy ban nhân dân huyện TL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy H01078 cho nguyên đơn với diện tích 391m² thuộc thửa 919, tờ bản đồ số 09, loại đất CLN, tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Tuy nhiên, tại bản trích đo địa chính số 56 ngày 05/7/2021 thì phần đất của nguyên đơn hiện đang sử dụng là 370,9m². Như vậy, diện tích nguyên đơn sử dụng đất còn thiếu so với diện tích được cấp giấy chứng nhận. Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất giao phần đất ký hiệu B có diện tích là 25,2m² theo Bản trích đo địa chính số 56 ngày 05/7/2021 cho nguyên đơn là phù hợp nên ghi nhận. Việc Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về phần này được xem là tình tiết khách quan, cấp sơ thẩm không có lỗi.

[4] Đối với kháng cáo của bà L1 về việc yêu cầu buộc nguyên đơn trả 18 chỉ vàng 24K, Hội đồng xét xử thấy rằng, theo Tờ chuyển nhượng đất thổ cư được ký kết giữa nguyên đơn với bà Đào Kim Hthì các bên thỏa thuận chuyển nhượng đất thổ cư có diện tích ngang 10 dài 46 tổng cộng là 460m² với giá chuyển nhượng là 5 cây 3 vàng 24k. Tuy nhiên, khi bị đơn làm thủ tục tách chuyển nhượng cho nguyên đơn thì nguyên đơn chỉ được cấp với diện tích là 391m² đất CLN, tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Như vậy, so với thỏa thuận chuyển nhượng giữa các bên thì diện tích đất được giao cho nguyên đơn không đủ và không đúng với thỏa thuận chuyển nhượng là đất thổ

cur. Như nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, diện tích giao dịch và cấp giấy chứng nhận cho nguyên đơn ít hơn diện tích các bên đã thỏa thuận, chính vì lẽ đó việc nguyên đơn giao cho bị đơn 35 chỉ vàng 24k là tương đương với diện tích đất nguyên đơn được nhận. Do đó, kháng cáo của bà L1 buộc nguyên đơn trả lại 18 chỉ vàng 24k là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ở cấp phúc thẩm là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), do các bên đương sự thỏa thuận được vấn đề giao đất nên các bên đều phải chịu chi phí. Nguyên đơn phải chịu 3.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp xong. Còn lại 5.000.000 đồng, những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là ông Đ, bà L1, bà H1 phải chịu. Ông Đ, bà L1 và bà H1 có trách nhiệm trả lại cho ông T 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) là phù hợp.

[6] Về án phí phúc thẩm, bà L1 được miễn án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 164; Điều 166 và Điều 169 của Bộ luật Dân sự 2005.

Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn. Sửa bản án sơ thẩm.

Buộc các đồng thừa kế của bà Đào Kim H gồm ông Huỳnh Công Đ, bà Huỳnh Kim H1 và bà Huỳnh Bích L1 có trách nhiệm giao trả phần diện tích 25,2m² (ký hiệu B) theo Bản trích đo địa chính số 56 ngày 05/7/2021 để trả lại diện tích quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Cẩm L.

Kiến nghị cơ quan chuyên môn có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo sơ đồ vị trí thửa đất trên cơ sở yêu cầu của đương sự khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Đ, bà L1 và bà H1 có trách nhiệm trả lại cho ông T số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đào Kim H. Nguyên đơn được nhận lại 2.932.000 đồng (hai triệu chín trăm ba mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 005769 ngày 22/4/2013 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL, thành phố Cần Thơ.

Án phí phúc thẩm bà L1 không phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TP.Cần Thơ;
- Chi cục THADS huyện TL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Tuyết Mai